

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo quyết định số: / QĐ-CĐBC ngày: / /)
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng BC Công nghệ & Quản trị doanh nghiệp

Lớp Học: Quản trị kinh doanh 1 - K11 Ngành: Quản trị kinh doanh Hệ ĐT: Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI (LV,ĐA) TN			TBC TKHOÁ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
						QTH	QTNS	KHTTHCM		
1	0910090002	Nguyễn Hoàng Ân	QTKD11_1	05/11/1991	Tp Hồ Chí Minh	6.0	7.0	6.5	6.20	TB khá
2	0910090015	Nguyễn Văn Đăng	QTKD11_1	20/08/1989	Hà Tây	6.0	7.5	7.0	6.21	TB khá
3	0910090016	Mai Thành Danh	QTKD11_1	23/11/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.0	8.5	5.0	6.03	TB khá
4	0910090020	Bùi Thiện Điềm	QTKD11_1	13/03/1991	Cà Mau	5.0	5.0	7.0	6.04	TB khá
5	0910090021	Nguyễn Thị Bình Diệu	QTKD11_1	28/03/1991	Bình Định	8.5	7.0	8.0	6.50	TB khá
6	0910090026	Nguyễn Trung Dũng	QTKD11_1	10/08/1990	Long An	6.0	7.0	8.5	6.34	TB khá
7	0910090032	Nguyễn Thị Cẩm Giang	QTKD11_1	1991	Đồng Tháp	7.5	6.5	8.5	6.31	TB khá
8	0910090033	Nguyễn Hoàng Gôn	QTKD11_1	04/09/1988	Quảng Nam	6.5	5.5	7.0	6.27	TB khá
9	0910090034	Phạm Hoàng Thy Hạ	QTKD11_1	24/05/1991	Đồng Nai	6.5	6.0	6.0	6.38	TB khá
10	0910090036	Nguyễn Thị Ngọc Hân	QTKD11_1	17/05/1991	Long An	7.0	7.0	5.0	6.33	TB khá
11	0910090038	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	QTKD11_1	25/09/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.5	7.5	6.5	6.67	TB khá
12	0910090042	Nguyễn Phúc Quý Hiền	QTKD11_1	11/09/1989	Tp Hồ Chí Minh	5.0	9.0	5.0	6.21	TB khá
13	0910090045	Phượng Trung Hiếu	QTKD11_1	01/02/1991	Sóc Trăng	5.5	9.0	5.0	6.42	TB khá
14	0910090050	Bùi Thị Nữ Hoàng	QTKD11_1	28/10/1991	Tp Hồ Chí Minh	6.0	7.0	6.5	6.25	TB khá
15	0910090052	Nguyễn Thị Tuyền Hồng	QTKD11_1	20/08/1990	Thừa Thiên Huế	6.0	8.0	8.5	6.60	TB khá
16	0910090058	Trịnh Ngọc Thái Hùng	QTKD11_1	20/11/1990	Tp Hồ Chí Minh	6.0	6.0	7.5	6.09	TB khá
17	0910090060	Phan Duy Hưng	QTKD11_1	04/10/1991	Tây Ninh	5.5	5.0	8.0	7.09	Khá
18	0910090063	Võ Phước Hưởng	QTKD11_1	06/12/1991	Đồng Tháp	7.5	6.0	6.0	6.44	TB khá
19	0910090065	Phan Tuấn Huy	QTKD11_1	07/05/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.0	6.5	6.5	6.12	TB khá
20	0910090068	Dương Vũ Mạnh Khánh	QTKD11_1	27/05/1991	Quảng Nam	5.0	6.0	6.0	6.08	TB khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI (LV,ĐA) TN			TBC TKHOÁ	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
						QTH	QTNS	KHTTHCM		
21	0910090071	Nguyễn Hoàng Khương	QTKD11_1	11/09/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.5	6.0	6.0	5.90	TB
22	0910090074	Võ Thị Kim Lâm	QTKD11_1	28/02/1991	Bình Định	6.5	7.5	5.0	6.46	TB khá
23	0910090075	Nguyễn Thị Thanh Lan	QTKD11_1	01/04/1991	Đồng Nai	6.0	7.5	6.5	6.23	TB khá
24	0910090076	Trần Thị Láng	QTKD11_1	24/07/1991	Đồng Nai	6.5	8.0	5.0	6.43	TB khá
25	0910090080	Nguyễn Hoàng Hoài Linh	QTKD11_1	12/02/1991	Đồng Nai	5.5	6.5	6.5	6.03	TB khá
26	0910090081	Trần Văn Linh	QTKD11_1	01/09/1987	Bến Tre	5.5	5.5	5.0	6.15	TB khá
27	0910090082	Phạm Tường Linh	QTKD11_1	10/12/1991	Bến Tre	5.5	5.0	6.0	6.10	TB khá
28	0910090088	Đoàn Võ Lộc	QTKD11_1	23/10/1991	Tp Hồ Chí Minh	6.0	7.0	7.0	6.20	TB khá
29	0910090093	Văn Thị Kim Luyến	QTKD11_1	09/09/1991	Tp Hồ Chí Minh	7.0	7.0	5.0	6.17	TB khá
30	0910090097	Huỳnh Thị Xuân Mai	QTKD11_1	07/02/1991	Tiền Giang	6.0	5.5	5.0	6.42	TB khá
31	0910090100	Trần Thị Nga	QTKD11_1	20/07/1987	Bình Định	5.5	5.0	5.0	6.24	TB khá
32	0910090101	Lê Thị Ánh Gà	QTKD11_1	26/02/1991	Bình Định	6.5	8.0	8.0	6.10	TB khá
33	0910090106	Lê Bùi Đức Nghi	QTKD11_1	06/08/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.5	9.0	8.0	6.36	TB khá
34	0910090107	Trần Hoàng Vĩnh Nghi	QTKD11_1	03/09/1991	Bến Tre	8.0	8.0	5.0	6.69	TB khá
35	0910090108	Trần Đức Nghia	QTKD11_1	27/09/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.5	5.5	5.0	6.10	TB khá
36	0910090109	Nguyễn Văn Thanh Ngọc	QTKD11_1	07/11/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.5	5.0	7.5	6.42	TB khá
37	0910090112	Huỳnh Thị Bích Ngọc	QTKD11_1	05/06/1990	Đồng Nai	6.0	9.5	8.0	6.90	TB khá
38	0910090120	Nguyễn Khôi Nguyên	QTKD11_1	14/07/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.5	7.5	8.0	6.10	TB khá
39	0910090124	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	QTKD11_1	22/03/1991	Tp Hồ Chí Minh	5.0	8.5	8.5	6.32	TB khá

Tổng Số: 39

TP.Hồ Chí Minh , ngày/..../ 20....
Người lập bảng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Nguyễn Thế Lực